

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG

V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Thương.

Thư ký phiên họp: Bà Đỗ Thị Hương Giang - Thư ký Toà án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên họp: Ông Nguyễn Ngọc Vương - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Dĩ An mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số: 161/2024/TLST-VLD ngày 21 tháng 6 năm 2024 về việc “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số: 61/2024/QĐST-LĐ ngày 24 tháng 6 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc lao động:* Ông Trương Ngọc H, sinh năm 1989; thường trú: thôn K, xã A, huyện H, tỉnh Bình Định; tạm trú: số H, đường số C, khu dân cư B, khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương. (Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Công ty TNHH S; địa chỉ: lô A đường số H, khu công nghiệp S, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương;

Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Thanh H1, sinh năm 1967; địa chỉ: Lô A, đường số H, Khu công nghiệp S, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương (văn bản ủy quyền ngày 15/6/2023). (Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

2/ Ông Bùi Quang T, sinh năm 1995; địa chỉ: thôn K, xã A, huyện H, tỉnh Bình Định (Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

3/ Bảo hiểm xã hội thành phố D, tỉnh Bình Dương; địa chỉ: đường T, khu T, khu phố N, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương;

Người đại diện hợp pháp: Ông Dương Văn T1, sinh năm 1988; địa chỉ: Số A khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 24/6/2024.) (Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VIỆC LAO ĐỘNG:

- Theo đơn yêu cầu giải quyết việc lao động và lời khai trong quá trình giải quyết ông Trương Ngọc H trình bày:

Từ tháng 06/2011 đến tháng 02/2012, ông H có làm việc tại Công ty cổ phần M; địa chỉ: Số D đường số A, khu phố C, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh và có đóng bảo hiểm xã hội số: 7911321280. Sau đó ông nghỉ việc, từ tháng 07/2012 đến tháng 01/2022, ông H có làm việc tại Công ty cổ phần L; địa chỉ: Số A P, khu phố A, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh có đóng bảo hiểm xã hội số: 7909309490. Nay, ông H tiến hành điều chỉnh thông tin bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế thì bên Bảo hiểm xã hội rà soát và phát hiện hồ sơ bảo hiểm của ông H bị trùng. Lý do bị trùng bảo hiểm: Hàng xóm của ông H – ông Bùi Quang T (sử dụng thông tin của ông H – Trương Ngọc H) giao kết Hợp đồng lao động với Công ty TNHH S từ tháng 11/2011 đến tháng 02/2014 và đóng bảo hiểm xã hội số 7411288867.

Cùng thời gian đó, ông H giao kết hợp đồng lao động với Công ty cổ phần M từ tháng 06/2011 đến tháng 02/2012 và Công ty cổ phần L từ tháng 07/2012 đến tháng 01/2022 thì ông H nghỉ việc. Do đó, ông H bị trùng thời gian tham gia bảo hiểm từ tháng 11/2011 đến tháng 02/2014 tương đương với thời gian ông T mượn hồ sơ lao động của ông H. Vào thời điểm năm 2011, ông T chưa đủ 18 tuổi nên không đủ điều kiện để ứng tuyển lao động. Ông H và ông T là hàng xóm với nhau nên mới hỗ trợ ông T mượn thông tin cá nhân để làm hồ sơ lao động. Vì cả hai không hiểu biết về pháp luật, chỉ nghĩ đến cách tìm kế sinh nhai nên mới để lại hậu quả pháp lý như ngày hôm nay.

Vì vậy, ông H yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động giữa ông Trương Ngọc H và Công ty TNHH S (thời gian làm việc từ tháng 11/2011 đến tháng 02/2014) là vô hiệu. Ngoài ra, ông H không yêu cầu giải quyết hậu quả của việc tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu cũng như không có yêu cầu gì khác.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Quang T trình bày:

Ông T và ông Trương Ngọc H là hàng xóm với nhau. Khoảng năm 2011 ông T chưa làm chứng minh nhân dân và chưa đủ tuổi để đi xin việc, do hoàn cảnh nhà nghèo, buộc phải kiếm tiền phụ giúp gia đình nên ông T đã sử dụng thông tin của ông H để vào làm việc tại Công ty TNHH S và giao kết hợp đồng lao động, tham gia bảo hiểm xã hội trong khoảng thời gian từ tháng 11/2011 đến tháng 02/2014.

Do đó, để đảm bảo quyền lợi của ông H, ông T đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An tuyên bố Hợp đồng lao động (từ tháng 11/2011 đến tháng 02/2014) giữa ông Trương Ngọc H và Công ty TNHH S vô hiệu. Ngoài ra, ông T không có yêu cầu gì trong vụ việc này.

- Ông Dương Văn T1 là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội thành phố D, tỉnh Bình Dương (viết tắt là BHXH) trình bày:

- Qua kiểm tra đối chiếu dữ liệu tham gia BHXH, bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) của Công ty TNHH S cho người lao động thì Công ty có tham gia BHXH, BHYT, BHTN cho ông Trương Ngọc H sinh năm 1989, số CMND 215059955, với mã số BHXH 7411288867 từ tháng 11/2011 đến tháng 02/2014 tại Công ty TNHH S chưa nhận trợ cấp BHXH.

- Ngoài ra ông Trương Ngọc H còn có sổ bảo hiểm số 7911321280 từ tháng 06/2011 đến tháng 02/2012 tại Công ty Cổ phần M.

Về hợp đồng lao động, giấy tờ tùy thân của ông Trương Ngọc H, BHXH không có lưu trữ những hồ sơ này.

Về các yêu cầu khác của ông Trương Ngọc H, Bảo hiểm xã hội thành phố D không có ý kiến.

- Ông Trần Thanh H1 là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH S trình bày:

Việc ông T mượn hồ sơ của ông H để tham gia ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH S thì thời điểm tuyển dụng Công ty TNHH S không phát hiện được việc người lao động sử dụng hồ sơ giả. Nay người lao động nghỉ việc đã lâu nên chỉ còn dữ liệu lưu trữ trên máy tính của Công ty TNHH S. Theo đó, vào ngày 19/08/2011 Công ty TNHH S có tuyển dụng và sau đó ký hợp đồng lao động với ông Trương Ngọc H, sinh năm 1989, số CMND: 215059955. Ông H làm việc với chức vụ là công nhân. Đến ngày 22/02/2014 ông H xin nghỉ việc tại công ty. Thời gian tham gia bảo hiểm xã hội của ông H tại công ty là từ tháng 11/2011 đến tháng 02/2014. Đối với yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa ông Trương Ngọc H (do người khác giả mạo tên) với Công ty TNHH S thì Công ty TNHH S đồng ý, ngoài ra không còn yêu cầu gì khác trong vụ việc này.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc lao động và đề nghị: Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Thư ký phiên họp và đương sự đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: Xét thấy, yêu cầu của ông Trương Ngọc H là có căn cứ, đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Người yêu cầu ông Trương Ngọc H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Quang T, Công ty TNHH S, Bảo hiểm xã hội thành phố D, tỉnh Bình Dương có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Vì vậy, căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2] Trong thời gian từ tháng 11/2011 đến tháng 02/2014, người lao động tên Trương Ngọc H sinh năm 1989, số chứng minh nhân dân 215059955 được Công ty TNHH S tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp với mã số bảo hiểm xã hội là 7411288867, dựa trên hợp đồng lao động giữa Công ty TNHH S và ông H trong thời gian từ ngày 19/08/2011 đến ngày 22/02/2014.

Tuy nhiên, ông Trương Ngọc H và ông Bùi Quang T thừa nhận người ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH S và thực tế làm việc tại Công ty TNHH S trong khoảng thời gian từ tháng 11/2011 đến tháng 02/2014 theo hợp đồng lao động là ông Bùi Quang T chứ không phải ông Trương Ngọc H, với lý do ông T mượn chứng minh nhân dân, giấy tờ của ông H để đi làm việc. Đối với ông H, trong thời gian này đang thực tế làm việc tại Công ty cổ phần M từ tháng 06/2011 đến tháng 02/2012 và Công ty cổ phần L từ tháng 07/2012 đến tháng 01/2022. Do ông T chưa đủ tuổi nên ông H đã cho ông T mượn chứng minh nhân dân để đi làm việc. Trình bày của ông H và ông T phù hợp với hồ sơ bảo hiểm xã hội thể hiện trong thời gian từ tháng 06/2011 đến tháng 02/2012, ông H có quá trình tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty cổ phần M.

Xét, việc ông T lấy tên ông H để giao kết hợp đồng lao động là hành vi vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, thiện chí, hợp tác và trung thực khi xác lập quan hệ lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ luật Lao động, vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Bộ luật Lao động nên thuộc trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ theo khoản 1 Điều 49 của Bộ luật Lao động.

[3] Quá trình làm việc, Bảo hiểm xã hội thành phố D cung cấp thông tin về thời gian đóng bảo hiểm xã hội của ông Trương Ngọc H bị trùng từ tháng 11/2011 đến tháng 02/2014. Công ty TNHH S cũng thống nhất với yêu cầu của ông Trương Ngọc H. Do đó, ông H yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động được ký kết giữa Công ty TNHH S với ông Trương Ngọc H từ tháng 11/2011 đến tháng 02/2014 vô hiệu là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Các đương sự xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Sau khi Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, người lao động có quyền liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để được giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định.

[5] Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung việc lao động, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên họp là phù hợp với quy định của pháp luật.

[7] Về lệ phí: Ông Trương Ngọc H phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 33, 39, 149, 367, 401, 402 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Căn cứ các Điều 15, 16, 49, 50 và 51 của Bộ luật Lao động;
- Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc lao động của ông Trương Ngọc H.

Tuyên bố hợp đồng lao động giữa ông Trương Ngọc H với Công ty TNHH S thời gian làm việc từ tháng 11/2011 đến tháng 02/2014 bị vô hiệu.

Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

2/ Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: Ông Trương Ngọc H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 0001069 ngày 19/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3/ Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết trong thời hạn 10 (mười) ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

4/ Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THA DS TP.Dĩ An;
- Các đương sự;
- Lưu: HS.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Thị Thương